CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
---------------

...(1)..., ngày ... tháng ... năm 20....

BẢN KHAI  
Đối với công dân Việt Nam xuất, nhập cảnh

(Mẫu số 11 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 15/2019/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Họ tên:.........................................................................................................................

2. Sinh ngày……tháng……năm: ……………………....giới tính......................................

3. Nghề nghiệp:......................................................…......................................................

4. Địa chỉ thường trú:………………………………Điện thoại/e-mail:................................

5. Loại giấy tờ xuất nhập cảnh:

- Hộ chiếu ; Giấy thông hành xuất nhập cảnh ; Giấy thông hành xuất nhập cảnh vùng biên giới ; Giấy tờ xuất nhập cảnh khác:………………………… (ghi rõ tên loại)

- Số giấy tờ xuất nhập cảnh:.............................................................................................

Cơ quan cấp:………………………………Có giá trị đến:......................................….........

- Trẻ em đi cùng giấy tờ xuất nhập cảnh (nếu có):

+ Họ tên:………………Giới tính:……Sinh ngày……tháng……năm................................;

+ Quan hệ:........................................................................................................................

6. Thị thực nhập cảnh Trung Quốc (trường hợp công dân Việt Nam sử dụng hộ chiếu phổ thông nhập cảnh Trung Quốc):

Có giá trị từ ngày……tháng……năm……đến ngày……tháng……năm...........................

7. Cửa khẩu xuất cảnh:……………… nhập cảnh:...........................................................

8. Thời gian dự kiến xuất cảnh:……giờ……ngày……tháng……20……

Nhập cảnh:……giờ……ngày……tháng……20……/.

|  |  |
| --- | --- |
| Nơi nhận: - Đồn BPCK ..(2).. - Lưu:.... | NGƯỜI KHAI (Ghi rõ họ tên) |